

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-300 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-300 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIẾU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số hồ sơ

In The General Court Of Justice
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý

- District Superior Court Division
Phân Bộ Tòa Án
 Khu Vực Thượng Thẩm

County
Quận/hạt

STATE VERSUS
TIẾU BANG CHỐNG LẠI

TRANSCRIPT OF PLEA
BIÊN BẢN TRẢ LỜI CÁO TRẠNG

Name Of Defendant
Tên bị cáo

DOB (mm/dd/yyyy)
Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

Age
Tuổi

Highest Level Of Education Completed
Trình độ học vấn cao nhất đã học xong

G.S. 15A-1022, 15A-1022.1
G.S. 15A-1022, 15A-1022.1

NOTE: Use this section ONLY when the Court is rejecting the plea arrangement.

LƯU Ý: CHỈ sử dụng phần này khi Tòa Án bác bỏ thỏa thuận giảm án.

- The plea arrangement set forth within this transcript is hereby rejected and the clerk shall place this form in the case file. (Applies to plea arrangements disclosed on or after December 1, 2009.)
Thỏa thuận giảm án ghi trong biên bản này bị bác bỏ và lục sự phải lưu mẫu này trong hồ sơ vụ án. (Áp dụng cho các thỏa thuận giảm án được tuyên bố vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2009.)

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Presiding Judge (type or print)
Tên của Thẩm Phán Chủ Tòa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge
Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tòa

The undersigned judge, having addressed the defendant personally in open court, finds that the defendant (1) was duly sworn or affirmed, (2) entered a plea of guilty guilty pursuant to *Alford* decision no contest, and (3) offered the following answers to the questions set out below:

Sau khi trao đổi trực tiếp với bị cáo tại một phiên tòa công khai, thẩm phán ký tên dưới đây xác nhận rằng bị cáo (1) đã tuyên thệ hay xác nhận khai sự thật theo đúng thủ tục, (2) đã nhận tội nhận tội theo kiểu *Alford* không chối tội, và (3) đã trả lời các câu hỏi đặt ra như được ghi dưới đây:

Answers
Trả lời

- Are you able to hear and understand me?
Quý vị có thể nghe rõ và hiểu được những gì tôi nói không? (1) _____
- Do you understand that you have the right to remain silent and that any statement you make may be used against you?
Quý vị có hiểu rằng quý vị có quyền giữ im lặng và rằng bất cứ điều gì quý vị nói đều có thể được sử dụng để chống lại quý vị không? (2) _____
- At what grade level can you read and write?
Trình độ đọc và viết của quý vị tương đương bậc lớp nào? (3) _____
- (a) Are you now using or consuming alcohol, drugs, narcotics, medicines, pills, or any other substances?
Hiện tại quý vị có sử dụng hay tiêu dùng rượu bia, ma túy, thuốc phiện, thuốc men, thuốc viên hay bất cứ chất nào khác không? (4a) _____
(b) When was the last time you used or consumed any such substance?
Lần cuối cùng quý vị dùng bất cứ chất nào như vậy là cách đây bao lâu? (4b) _____
(c) How long have you been using or consuming this medication or substance?
Quý vị đã sử dụng hay tiêu dùng loại thuốc hay chất đó trong bao lâu? (4c) _____
(d) Do you believe your mind is clear, and do you understand what you are doing in this hearing?
Quý vị có tin rằng mình có đầu óc minh mẫn và hiểu rõ những điều đang làm tại phiên tòa này không? (4d) _____
- Have the charges been explained to you by your lawyer, and do you understand the nature of the charges, and do you understand every element of each charge?
Có phải luật sư của quý vị đã giải thích các tội trạng buộc cho quý vị và quý vị hiểu rõ bản chất cũng như các yếu tố của mỗi tội trạng đó không? (5) _____
- (a) Have you and your lawyer discussed the possible defenses, if any, to the charges?
Có phải quý vị đã thảo luận với luật sư của mình về những cách (nếu có) để bào chữa cho quý vị tránh khỏi các tội trạng đó không? (6a) _____
(b) Are you satisfied with your lawyer's legal services?
Quý vị có hài lòng với dịch vụ đại diện pháp lý của luật sư không? (6b) _____

(Over)
(Xem mặt sau)

7. (a) Do you understand that you have the right to plead not guilty and be tried by a jury? (7a) _____
 Quý vị có hiểu rằng quý vị có quyền không nhận tội để có thể ra tòa xét xử trước một bồi thẩm đoàn không?
- (b) Do you understand that at such trial you have the right to confront and to cross examine witnesses against you? (7b) _____
 Quý vị có hiểu rằng tại phiên xử đó quý vị sẽ có quyền đối mặt và chất vấn các nhân chứng chống lại quý vị không?
- (c) Do you understand that by your plea(s) you give up these and other important constitutional rights to a jury trial? (7c) _____
 Quý vị có hiểu rằng khi nhận tội/không chối tội, quý vị từ bỏ các quyền này cũng như một số quyền hiến định quan trọng khác liên quan đến việc xét xử trước bồi thẩm đoàn không?
8. Do you understand that, if you are not a citizen of the United States of America, your plea(s) of guilty or no contest may result in your deportation from this country, your exclusion from admission to this country, or the denial of your naturalization under federal law? (8) _____
 Quý vị có hiểu rằng nếu quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ thì lời khai nhận tội/không chối tội của quý vị có thể dẫn đến việc quý vị bị trục xuất ra khỏi nước, bị cấm vào nước này, hoặc bị từ chối nhập quốc tịch theo luật liên bang không?
9. Do you understand that upon conviction of a felony you may forfeit any State licensing privileges you have in the event that your probation is revoked? (9) _____
 Quý vị có hiểu rằng việc bị kết án tội đại hình có thể dẫn đến việc Tiểu Bang hủy bỏ bất cứ giấy phép nào đã cấp cho quý vị nếu lệnh quản chế của quý vị bị thu hồi không?
10. Do you understand that following a plea of guilty or no contest there are limitations on your right to appeal? (10) _____
 Quý vị có hiểu rằng quyền kháng cáo của mình sẽ bị giới hạn sau khi quý vị nhận tội/không chối tội không?
11. Do you understand that your plea of guilty may impact how long biological evidence related to your case (for example, blood, hair, skin tissue) will be preserved? (11) _____
 Quý vị có hiểu rằng việc nhận tội có thể ảnh hưởng đến thời gian lưu giữ các bằng chứng sinh học (thí dụ như máu, tóc, mô da) liên quan đến vụ án này không?
12. Do you understand that you are pleading guilty guilty pursuant to *Alford* no contest to the charges shown below? (Describe charges, total maximum punishments, and applicable mandatory minimums for those charges.) (12) _____
 Quý vị có hiểu rằng quý vị đang nhận tội nhận tội theo kiểu *Alford* không chối tội đối với các tội trạng dưới đây không? (Miêu tả các tội trạng, tổng mức phạt tối đa, và các mức phạt tối thiểu áp dụng cho các tội đó.)

**PLEAS
PHẢN TRẢ LỜI CÁO TRẠNG**

✓	Plea* Trả lời cáo trạng*	File Number Số hồ sơ	Count No.(s) (Các mã số tội trạng)	Offense(s) (Các tội trạng)	Date Of Offense OR Date Range Of Offense Ngày phạm tội HOẶC Khoảng thời gian phạm tội	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	‡Pun. CL. Bậc hình phạt	Maximum Punishment Mức phạt tối đa

See attached AOC-CR-300A, for additional charges.
 Xem mẫu AOC-CR-300A đính kèm để biết thông tin về các tội trạng khác.

*G = Guilty GA = *Alford* plea
 *G = Nhận tội GA = Nhận tội kiểu *Alford*
 NC = No Contest
 NC = Không chối tội

**TOTAL MAXIMUM PUNISHMENT
TỔNG MỨC PHẠT TỐI ĐA**

**MANDATORY MINIMUM FINES & SENTENCES (if any)
CÁC MỨC PHẠT TIỀN VÀ PHẠT TÙ TỐI THIỂU (nếu có)**

✓ **NOTE TO CLERK:** If this column is checked this is an added offense or reduced charge.
 ✓ **LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ:** Nếu cột này được đánh dấu thì có nghĩa là tội trạng đó được thêm vào hay giảm nhẹ.

‡ **NOTE:** Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).
 ‡ **LƯU Ý:** Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

(Over)
(Xem mặt sau)

STATE VERSUS
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

File No.
Số hồ sơ

Name Of Defendant
Tên bị cáo

13. Do you now personally plead guilty guilty pursuant to *Alford* no contest to the charges I just described? (13) _____

Có phải quý vị tự nhận tội nhận tội theo kiểu *Alford* không chối tội đối với các tội trạng tôi vừa giải thích không?

14. (a) Are you in fact guilty? (14a) _____
(a) Quý vị có thực sự có tội không?

(b) (*no contest plea*) Do you understand that, upon your plea of no contest, you will be treated as being guilty whether or not you admit that you are in fact guilty? (14b) _____

(b) (*trường hợp không chối tội*) Quý vị có hiểu rằng khi trả lời cáo trạng bằng cách không chối tội, quý vị sẽ bị xử lý như có tội cho dù quý vị thừa nhận thực sự có tội hay không?

(c) (*Alford guilty plea*)
(c) (*Nhận tội kiểu Alford*)

(1) Do you now consider it to be in your best interest to plead guilty to the charges I just described? (14c1) _____

(1) Quý vị có nghĩ rằng cách tốt nhất cho mình là nhận các tội trạng tôi vừa giải thích cho quý vị không?

(2) Do you understand that, upon your "*Alford guilty plea*," you will be treated as being guilty whether or not you admit that you are in fact guilty? (14c2) _____

(2) Quý vị có hiểu rằng khi trả lời cáo trạng bằng cách nhận tội kiểu "*Alford*", quý vị sẽ bị xử lý như có tội cho dù quý vị thừa nhận thực sự có tội hay không?

15. (*Use if aggravating factors are listed below*) Have you admitted the existence of the following aggravating factors: (15) _____

have you agreed that there is evidence to support these factors beyond a reasonable doubt, have you agreed that the Court may accept your admission to these factors, and do you understand that you are waiving any notice requirement that the State may have with regard to these aggravating factors agree that the State has provided you with appropriate notice about these aggravating factors?

(*Sử dụng mục này nếu dưới đây có liệt kê các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*) Quý vị có công nhận rằng có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm là

và đồng ý rằng có chứng cứ để chứng minh cho các tình tiết này mà không còn một nghi ngờ hợp lý; và đồng ý rằng Tòa Án có thể chấp nhận lời công nhận của quý vị về các tình tiết này không; và quý vị có hiểu rằng quý vị đang từ bỏ quyền được Tiểu Bang thông báo cho mình về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm đồng ý rằng Tiểu Bang đã thông báo một cách hợp lý cho quý vị về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm này không?

16. (*Use if sentencing points are selected below*) Have you admitted the existence of the following sentencing points not related to prior convictions: offense committed while on supervised or unsupervised probation, parole, or post-release supervision offense committed while serving a sentence of imprisonment offense committed while on escape from a correctional institution, have you agreed that there is evidence to support these points beyond a reasonable doubt, have you agreed that the Court may accept your admission to these points, and do you understand that you are waiving any notice requirement that the State may have with regard to these sentencing points agree that the State has provided you with the appropriate notice about these sentencing points? (16) _____

(*Sử dụng mục này nếu dưới đây có liệt kê các điểm tuyên án*) Quý vị có công nhận rằng có các điểm tuyên án sau đây không liên quan đến tiền án: quý vị phạm tội trong khi đang chịu lệnh quản chế có hay không có giám sát, được tha tù sớm, hoặc trong thời gian chịu sự giám sát sau khi được tha tù phạm tội trong khi đang thụ hành bản án tù phạm tội trong khi đang chạy trốn một cơ sở cải huấn, đồng thời đồng ý rằng có chứng cứ để chứng minh cho các điểm này mà không còn một nghi ngờ hợp lý; và đồng ý rằng Tòa Án có thể chấp nhận lời công nhận của quý vị về các điểm này không; và quý vị có hiểu rằng quý vị đang từ bỏ quyền được Tiểu Bang thông báo cho mình về các điểm tuyên án này đồng ý rằng Tiểu Bang đã thông báo một cách hợp lý cho quý vị về các điểm tuyên án này không?

(Over)
(Xem mặt sau)

17. (Use if No. 15 or 16 selected above) Do you understand that at a jury trial you have the right to have a jury determine the existence of any aggravating factors and any additional sentencing points not related to prior convictions that may apply to your case beyond a reasonable doubt, and that by your plea(s) you give up this constitutional right to a jury determination? (17) _____
(Sử dụng mục này nếu mục 15 hoặc 16 được đánh dấu trên đây) Quý vị có hiểu rằng nếu được xét xử trước bồi thẩm đoàn thì quý vị sẽ có quyền yêu cầu bồi thẩm đoàn xác nhận chắc chắn, không còn một nghi ngờ hợp lý nào rằng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và điểm tuyên án thêm không liên quan đến tiền án (nếu có) mà có thể áp dụng cho trường hợp của quý vị là có thật hay không, đồng thời hiểu rằng khi nhận tội/không chối tội quý vị từ bỏ quyền hiến định để được bồi thẩm đoàn xác nhận những việc này?
18. Do you understand that you also have the right during a sentencing hearing to prove to the Court the existence of any mitigating factors that may apply to your case? (18) _____
 Quý vị có hiểu rằng tại phiên tòa tuyên án quý vị cũng sẽ có quyền chứng minh với Tòa Án là có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có thể áp dụng cho trường hợp của mình không?
19. Do you understand that the courts have approved the practice of plea arrangements and you can discuss your plea arrangement with me without fearing my disapproval? (19) _____
 Quý vị có hiểu rằng các Tòa Án đều chấp nhận việc điều đình và thỏa thuận để giảm án, do đó quý vị có thể nói chuyện với tôi về thỏa thuận giảm án của quý vị mà không sợ tôi phản đối không?
20. Have you agreed to plead guilty guilty pursuant to *Alford* no contest as part of a plea arrangement? (if so, review the terms of the plea arrangement as listed in No. 21 below with the defendant.) (20) _____
 Có phải quý vị đã đồng ý nhận tội nhận tội theo kiểu *Alford* không chối tội theo một thỏa thuận giảm án không? (nếu có, hãy xem xét các điều kiện của thỏa thuận giảm án được ghi dưới đây ở mục 21 cùng với bị cáo.)
21. The prosecutor, your lawyer and you have informed the Court that these are all the terms and conditions of your plea: (21) _____
 Công tố viên, luật sư của quý vị và bản thân quý vị đã trình bày với Tòa Án rằng tất cả các điều kiện và điều khoản của thỏa thuận giảm án cho quý vị là như sau:

**PLEA ARRANGEMENT
THỎA THUẬN GIẢM ÁN**

- The State dismisses the charge(s) set out on Page Two, Side Two, of this transcript. (22) _____
 Tiểu bang bác bỏ (các) tội trạng ghi trong mặt hai, trang hai biên bản này.
- The defendant stipulates to restitution to the party(ies) in the amounts set out on "Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing)" (AOC-CR-611). (23) _____
 Bị cáo đồng ý trả số tiền bồi thường cho (các) đương sự như được ghi trong mẫu "Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu)" (AOC-CR-611).

22. Is the plea arrangement as set forth within this transcript and as I have just described it to you correct as being your full plea arrangement? (22) _____
 Nội dung thỏa thuận giảm án được ghi trong biên bản này và như tôi vừa giải thích cho quý vị có miêu tả đúng và đầy đủ toàn bộ thỏa thuận giảm án cho quý vị không?
23. Do you now personally accept this arrangement? (23) _____
 Hiện tại bản thân quý vị có chấp nhận thỏa thuận này không?
24. (Other than the plea arrangement between you and the prosecutor) has anyone promised you anything or threatened you in any way to cause you to enter this plea against your wishes? (24) _____
(Ngoại trừ những điều ghi trong thỏa thuận giảm án giữa quý vị và công tố viên), có bất cứ người nào hứa hẹn hoặc hăm dọa bất cứ điều gì để khiến quý vị phải nhận tội/không chối tội dù quý vị không muốn?
25. Do you enter this plea of your own free will, and do you fully understand what you are doing? (25) _____
 Có phải quý vị nhận tội/không chối tội một cách tự nguyện không, và quý vị có hiểu đầy đủ về các hậu quả của quyết định này không?
26. Do you agree that there are facts to support your plea and admission to aggravating factors and sentencing points not related to prior convictions, and do you consent to the Court hearing a summary of the evidence? (26) _____
 Quý vị có đồng ý rằng có đủ cơ sở để hỗ trợ cho lời trả lời của mình đối với cáo trạng này và lời công nhận có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và các điểm tuyên án không liên quan đến tiền án, và quý vị có đồng ý rằng Tòa Án có thể nghe phần trình bày tóm tắt về các chứng cứ trong vụ án này không?
27. Do you have any questions about what has just been said to you or about anything else connected to your case? (27) _____
 Quý vị có bất cứ thắc mắc nào về những gì vừa nói cho quý vị hoặc về bất cứ điều gì khác liên quan đến vụ án của quý vị không?

(Over)
(Xem mặt sau)

STATE VERSUS
TIỂU BANG CHÔNG LẠI

File No.
Số hồ sơ

Name Of Defendant
Tên bị cáo

ACKNOWLEDGEMENT BY DEFENDANT
PHẦN XÁC NHẬN CỦA BỊ CÁO

I have read or have heard all of these questions and understand them. The answers shown are the ones I gave in open court and they are true and accurate. No one has told me to give false answers in order to have the Court accept my plea in this case. The terms and conditions of the plea as stated within this transcript, if any, are accurate.
Tôi đã đọc, hoặc người khác đã đọc cho tôi nghe, tất cả các câu hỏi trên. Tôi hiểu rõ những câu hỏi đó. Các câu trả lời mà tôi công khai trước Tòa Án được ghi chính xác trên đây và là đúng với sự thật. Không ai bảo tôi trả lời sai sự thật để được Tòa Án chấp nhận lời nhận tội/không chối tội của tôi trong vụ án này. Các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận giảm án, nếu có, được ghi chính xác trong biên bản này.

SWORN/AFFIRMED AND SUBSCRIBED TO BEFORE ME
TUYÊN THỆ/XÁC NHẬN VÀ KÝ TÊN TRƯỚC MẶT TÔI

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature
Chữ ký

Signature Of Defendant
Chữ ký của bị cáo

Deputy CSC
Phó LSTTT

Assistant CSC
Phụ Tá LSTTT

Clerk Of Superior Court
Lục Sự Tòa Thượng
Thẩm

Name Of Defendant (type or print)
Tên của bị cáo (đánh máy hay viết chữ in)

CERTIFICATION BY LAWYER FOR DEFENDANT
LỜI XÁC NHẬN CỦA LUẬT SƯ BÊN BỊ

I hereby certify that the terms and conditions stated within this transcript, if any, upon which the defendant's plea was entered are correct and they are agreed to by the defendant and myself. I further certify that I have fully explained to the defendant the nature and elements of the charges to which the defendant is pleading, and the aggravating and mitigating factors and prior record points for sentencing, if any.
Bây giờ tôi xác nhận rằng các điều khoản và điều kiện, nếu có, mà tôi và bị cáo đã chấp nhận để làm cơ sở cho việc bị cáo nhận tội/không chối tội đều được ghi chính xác trong biên bản này. Tôi cũng xác nhận rằng tôi đã giải thích đầy đủ cho bị cáo hiểu về bản chất và các yếu tố của mỗi tội trạng mà bị cáo đang trả lời cũng như các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các điểm tiền án sẽ áp dụng khi tuyên án, nếu có.

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Lawyer For Defendant (type or print)
Tên của luật sư bên bị (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Lawyer For Defendant
Chữ ký của luật sư bên bị

CERTIFICATION BY PROSECUTOR
LỜI XÁC NHẬN CỦA CÔNG TỐ VIÊN

As prosecutor for this Prosecutorial District, I hereby certify that the conditions stated within this transcript, if any, are the terms and conditions agreed to by the defendant and his/her lawyer and myself for the entry of the plea by the defendant to the charges in this case.
Với tư cách là công tố viên đại diện cho khu thẩm quyền công tố này, bây giờ tôi xác nhận rằng các điều kiện ghi trong biên bản này, nếu có, phản ánh đúng các điều khoản và điều kiện mà tôi, bị cáo và luật sư của bị cáo đã thỏa thuận để đổi lấy lời nhận tội/không chối tội của bị cáo trong vụ án này.

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Prosecutor (type or print)
Tên của Công Tố Viên (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Prosecutor
Chữ ký của Công Tố Viên

(Over)
(Xem mặt sau)

PLEA ADJUDICATION
PHÁN QUYẾT CỦA TÒA ÁN VỀ LỜI TRẢ LỜI CÁO TRẠNG

Upon consideration of the record proper, evidence or factual presentation offered, answers of the defendant, statements of the lawyer for the defendant, and statements of the prosecutor, the undersigned finds that:

Sau khi xem xét đầy đủ các hồ sơ chính thức, chứng cứ, phần trình bày vụ việc, lời khai của bị cáo cũng như lời trình bày của luật sư bên bị và công tố viên, người ký tên dưới đây phán quyết rằng:

1. There is a factual basis for the entry of the plea (*and for the admission as to aggravating factors and/or sentencing points*);
Có đủ cơ sở thực tế để bị cáo nhận tội/không chối tội (*cũng như để công nhận có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và/hoặc điểm tuyên án*);
2. The defendant is satisfied with his/her lawyer's legal services;
Bị cáo hài lòng với dịch vụ đại diện pháp lý của luật sư;
3. The defendant is competent to stand trial;
Bị cáo có đủ năng lực để ra tòa xét xử;
4. The State has provided the defendant with appropriate notice as to the aggravating factors and/or points; The defendant has waived notice as to the aggravating factors and/or points; and
 Tiểu bang đã thông báo đúng cách cho bị cáo biết về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và/hoặc điểm tuyên án; Bị cáo đã từ bỏ quyền được thông báo về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và/hoặc điểm tuyên án; và
5. The plea (*and admission*) is the informed choice of the defendant and is made freely, voluntarily and understandingly.
Bị cáo đưa ra lời nhận tội/không chối tội (*và lời công nhận*) này một cách tự do, tự nguyện và có hiểu biết sau khi được thông tin đầy đủ.

The defendant's plea (*and admission*) is hereby accepted by the Court and is ordered recorded.

Lời khai nhận tội/không chối tội (*và lời công nhận*) của bị cáo bây giờ được Tòa Án chấp nhận và ra lệnh ghi vào biên bản.

<i>Date (mm/dd/yyyy)</i> Ngày (tháng/ngày/năm)	<i>Name Of Presiding Judge (type or print)</i> Tên của Thẩm Phán Chủ Tòa (đánh máy hay viết chữ in)	<i>Signature Of Presiding Judge</i> Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tòa
---	--	---

SUPERIOR COURT DISMISSALS PURSUANT TO PLEA ARRANGEMENT
CÁC TỘI TRẠNG TRÊN TÒA ÁN THƯỢNG THẨM ĐƯỢC HỦY BỎ THEO THỎA THUẬN GIẢM ÁN

File No. Số hồ sơ	Count No.(s) (Các) mã số tội trạng	Offense(s) (Các) tội trạng

DISTRICT COURT DISMISSALS PURSUANT TO PLEA ARRANGEMENT
CÁC TỘI TRẠNG TRÊN TÒA ÁN KHU VỰC ĐƯỢC HỦY BỎ THEO THỎA THUẬN GIẢM ÁN

File No. Số hồ sơ	Count No.(s) (Các) mã số tội trạng	Offense(s) (Các) tội trạng

CERTIFICATION BY PROSECUTOR
LỜI XÁC NHẬN CỦA CÔNG TỐ VIÊN

The undersigned prosecutor enters a dismissal to the above charges pursuant to a plea arrangement shown on this Transcript Of Plea.
Công tố viên ký tên dưới đây đồng ý hủy bỏ các tội trạng ghi trên theo thỏa thuận giảm án trong Biên Bản Trả Lời Cáo Trạng này.

<i>Date (mm/dd/yyyy)</i> Ngày (tháng/ngày/năm)	<i>Name Of Prosecutor (type or print)</i> Tên của Công Tố Viên (đánh máy hay viết chữ in)	<i>Signature Of Prosecutor</i> Chữ ký của Công Tố Viên
---	--	---